TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-07-2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Ngày 12 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm theo thủ tục rút gọn vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Chu Thị V, sinh năm 1985; thường trú: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: A chung cư B, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1982; thường trú: Xóm F, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ: A chung cư B, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/06/2024, bản tự khai ngày 26/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Chu Thị V trình bày:

Bà Chu Thị V và ông Phạm Văn T tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014, ngày 05/5/2014. Thời gian đầu, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng vì con nên bà V cố gắng hàn gắn sống chung đến nay. Nguyên nhân do không hợp tính tình, không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã, không khí gia đình ngày càng mệt mỏi, căng thẳng. Nay, bà V xác định không còn tình cảm với ông T và yêu cầu Tòa Án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông T có 01 người con chung tên Phạm Phương V1, sinh ngày 08/10/2015. Bà V yêu cầu sau khi ly hôn Tòa án giải quyết để bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Phương V1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2024 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Phạm Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà V về việc chung sống, có đăng ký kết hôn và con chung. Ông T cũng thống nhất về những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình sống chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ông T vẫn mong muốn vợ chồng cho nhau cơ hội đoàn tụ để con chung có một gia đình trọn vẹn nhưng nếu bà V vẫn nhất quyết ly hôn thì ông T đồng ý ly hôn. Về con chung, ông T đồng ý để bà V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Phương V1 và việc cấp dưỡng nuôi con thì ông T tự nguyện thực hiện. Về tài sản chung và nợ chung thì ông T không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Chu Thị V khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với ông Phạm Văn T. Ông T có địa chỉ tại A chung cư B, khu phố T, phường D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà V, ông T có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Chu Thị V và ông Phạm Văn T thống nhất xác định là bà V và ông T chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2014, ngày 05/5/2014 nên hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nên bà V có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Ông T mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dưỡng con chung nhưng bà V nhất quyết ly hôn thì ông T cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận này giữa bà V và ông T, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà V và ông T có 01 người con chung tên Phạm Phương V1, sinh ngày 08/10/2015. Khi ly hôn, bà V và ông T đều thống nhất giao con chung là cháu Phạm Phương V1 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của bà V và ông T, phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có ý kiến là việc cấp dưỡng nuôi con sẽ tự nguyện thực hiện nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà V về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 316, 317, 320 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 9, 55, 81, 82, 83, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị V đối với ông Phạm Văn T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con.

- Công nhận bà Chu Thị V và ông Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Chu Thị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Phương V1, sinh ngày 08/10/2015. Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Phạm Văn T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Chu Thị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chu Thị V khi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phạm Văn T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Chu Thị V và ông Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Chu Thị V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001012, ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Chu Thị V và ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân